TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 78/2023/HS-ST
Ngày: 26-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Đức M, sinh năm 1982, tại tỉnh Bình Dương; Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nơi ở: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thành N (đã chết) và con bà Vũ Thị L, sinh năm 1938; bị cáo có vợ Đoàn Thị Thúy H, sinh năm 1983 (đã ly hôn), vợ hiện tại Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985; có 01 người con, sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2023 cho đến nay; bị cáo mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1949; địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Võ Thị Lệ L, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt tại phiên tòa).

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Trần Văn G, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

5. Anh Võ Hoàng T1, sinh năm 2009; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Hoàng T1: Bà Võ Thị Lệ L, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt tại phiên tòa).

- *Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần*: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đức M chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Tuyết N tại nhà bà N tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Do không có tiền tiêu xài, M đã nảy sinh ý định đi cướp tài sản. Từ ngày 20/4/2023 đến ngày 28/4/2023, M đã thực hiện 02 vụ, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất*: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 20/4/2023, M điều khiển xe mô tô biển số 61H1-266.20 đi từ ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương về nhà bà N tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi đến lô cao su số 59A thuộc Nông trường cao su Đ thuộc ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương thì phát hiện bà Hoàng Thị P (74 tuổi) đang đi lấy củi. Do trước đó, M đã thấy bà P mua đồ tại tiệm tạp hóa trong người có mang theo tiền để trong túi da và lúc này không có người qua lại nên M nảy sinh ý định cướp tiền của bà P. Để tránh bị phát hiện, M điều khiển xe mô tô về nhà để đổi lấy xe mô tô Honda Cub 81 biển số 61FC-3907 đi đến chỗ bà P đang lấy củi. Khi đi đến chỗ bà P, M nói dối bà P "*Có bịch mủ lớn ai làm rớt, con chở bà đi lấy*". Bà P tin lời M nên lên xe của M. M chở bà P đi khoảng 400 m vào lô cao su thì bà P nói "*Xa quá*". M nói "*Đến rồi bà ơi*" và M dừng xe lại. Bà P xuống xe và đi ngược lại chỗ nhặt củi cao su lúc đầu. Thấy vậy, M dựng xe mô tô, sau đó chạy theo sau bà P rồi dùng tay trái nắm lấy cổ tay trái của bà P giật mạnh, tay phải ôm ngang hông, vật bà P ngã nằm dưới đất. M dùng tay trái nắm cổ tay trái bà P ghì chặt xuống đất, tay phải lục soát trên người bà P thì phát hiện 01 túi da nằm trong túi quần

của bà P. M cầm túi da, bỏ chạy lại chỗ dựng xe mô tô, điều khiển xe bỏ đi. M đi đến đường đá đỏ lô cao su, M dừng lại kiểm tra bên trong túi da có số tiền 15.500.000 đồng. M lấy tiền và ném ví da vào lề đường. Sau đó, M điều khiển xe mô tô về nhà.

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, M gặp vợ là bà N tại đám tang của bà nội của bà N ở ấp H, xã Đ. M đưa cho N số tiền 4.500.000 đồng; còn lại số tiền 11.000.000 đồng M cất giữ và tiêu xài cá nhân hết.

- *Vụ thứ hai*: Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 28/4/2023, M điều khiển xe mô tô biển số 61FC - 3907, mang theo roi điện đi từ nhà mẹ ruột thuộc ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương đến các đoạn đường lô cao su vắng người tại xã Đ, huyện D tìm kiếm những người phụ nữ trong các lô cao su vắng người để cướp tài sản. Khi M đi vào đường đá đỏ nằm sâu trong lô cao su thuộc ấp T, xã Đ, M phát hiện bà Nguyễn Thị H đang dọn chuồng bò phía sau nhà cách đường khoảng 30 m, M để xe trước cổng, đi bộ vòng qua cổng chính vào vị trí bà H. M giả vờ hỏi giá mua phân bò. Bà H trả lời là đã bán cho người quen với giá 10.000 đồng/bao. M nói bà H để lại cho M số lượng 200 bao với giá 11.000 đồng/bao thì bà H đồng ý. M nói bà H lưu số điện thoại của M để khi nào có phân bò thì gọi cho M đến lấy. Bà H đi vào nhà lấy điện thoại thì M đi theo bà H. M và bà H đứng ngay cửa bếp, M đọc số điện thoại 0961.829.672 (thực tế số điện thoại của M là 0961.829.447). Bà H nhập số điện thoại để gọi thì M nói "*Được rồi chị ơi*". Khi bà H cuối xuống cất điện thoại thì M dùng tay trái nắm cổ tay trái bà H khóa ngược ra phía sau, tay phải M cầm roi điện dí vào người sau lưng bên trái bà H. Bà H la lên "*Cướp, cướp…*". M dùng tay giật mạnh được sợi dây chuyền trên cổ bà H. Sau đó, M lên xe máy bỏ chạy. Khi đi đến lô cao su gần đó, M bỏ roi điện. M điều khiển xe về nhà mẹ tại ấp L, xã H, huyện D.

Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, M mang theo sợi dây chuyền cướp được đến trước quán nước của bà Võ Thị Lệ L. Để che dấu hành vi phạm tội, M giả vờ thả sợi dây chuyền xuống đường. Sau đó, M nhặt lên và nói với bà L mới nhặt được sợi dây chuyền, đồng thời rủ bà L cùng đi bán sợi dây chuyền. M chở bà L đến tiệm vàng "K" tại ấp L, xã H, huyện D bán cho ông Nguyễn Văn T sợi dây chuyền với giá 3.920.000 đồng. Sau khi bán được vàng, M cho bà L 600.000 đồng, cho Võ Hoàng T1 (con bà L) số tiền 200.000 đồng, số tiền còn lại M giữ để tiêu xài cá nhân.

Ngày 29/4/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng khám xét khẩn cấp nhà bà N thì thu giữ được các vật chứng như sau: 01 (một) xe mô tô loại Cup 50, màu sơn xanh, số máy: C50E8103552, số khung: C508108458, biển số 61FC – 3907; 01 (một) áo thun màu đỏ; 01 (một) áo thun màu đỏ có chữ "GHWAY"; 02 (hai) chiếc dép màu vàng; 01 (một) áo sơ mi tay ngắn màu xanh có chữ "IBOS"; 01 (một) quần dài màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có chữ "Honda An Thành"; 01 (một) dao bấm bằng kim loại; 01 (một) dây xạc roi điện.

Ngày 29/4/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ tại tiệm vàng "K": 01 sợi dây chuyền vàng, độ tuổi 610, dạng hình chữ C, trọng lượng 1,4 chỉ (một chỉ, bốn phân).

Ngày 29/4/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ của bị cáo M: 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo 1610, màu vàng số IMEI 866580038139394, trong máy có gắn 01 (một) sim Viettel trên sim có dãy số 8984048000029776087 và số tiền 3.500.000 đồng.

Ngày 29/4/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ của bà N số tiền 15.500.000 đồng.

Ngày 29/4/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ của bà L số tiền 800.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng đã thực hiện truy tìm roi điện và ví da nhưng không tìm thấy.

Hành vi của bà N, ông T, bà L và anh T1. Xét thấy, bà N, ông T, bà L và anh T1 không biết sợi dây chuyền và tiền là do bị cáo M chiếm đoạt của người khác nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, độ tuổi 610, dạng hình chữ C, trọng lượng 1,4 chỉ, có trị giá là 4.340.000 đồng.

Ngày 22/11/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng trả cho bà P số tiền 15.500.000 đồng và bà H 01 sợi dây chuyền vàng, độ tuổi 610, dạng hình chữ C, trọng lượng 1,4 chỉ (một chỉ, bốn phân) theo Quyết định xử lý vật chứng số 28/QĐ-ĐTTH ngày 22/11/2023. Do ví da có giá trị thấp nên bà P không yêu cầu định giá và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ông T yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 3.920.000 đồng là tiền mà tiệm vàng "K" mua số vàng vật chứng của vụ án.

Tài sản là 01 xe mô tô loại Cup 50, màu sơn xanh, biển số 61FC – 3907 do ông Trần Văn G, sinh năm 1952, địa chỉ: Ấp C, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Ông G bán lại cho người khác nhưng không nhớ rõ bán cho ai. Bà N khai nhận xe do bà N mua nhưng không nhớ mua của ai. Xét thấy, đây là phương tiện đi lại H ngày của bà N, bà N cho M mượn và không biết M sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS-DT ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Vũ Đức M về tội "Cướp tài sản" theo điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Vũ Đức M và đề nghị:

- *Về hình phạt*: Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức M mức phạt 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

- *Trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo có hành vi chiếm đoạt đã được thu hồi và trao trả lại cho các bị hại. Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 3.920.000 đồng là tiền mà tiệm vàng "K" mua số vàng vật chứng của vụ án, ông T yêu cầu bị cáo trả lại nên buộc bị cáo trả số tiền trên cho ông T.

- *Về biện pháp T pháp và xử lý vật chứng*:

+ Đề nghị trả lại cho bà N 01 xe mô tô loại Cup 50, màu sơn xanh, số máy: C50E8103552, số khung: C508108458, biển số 61FC – 3907, đây là phương tiện đi lại H ngày của bà N, bà N cho M mượn và không biết M sử dụng làm phương tiện phạm tội.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy những tài sản của bị cáo M liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng: 01 (một) áo thun màu đỏ; 01 (một) áo thun màu đỏ có chữ "GHWAY"; 02 (hai) chiếc dép màu vàng; 01 (một) áo sơ mi tay ngắn màu xanh có chữ "IBOS"; 01 (một) quần dài màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có chữ "Honda An Thành"; 01 (một) dao bấm bằng kim loại; 01 (một) dây xạc roi điện.

+ Đề nghị trả lại những tài sản của bị cáo M gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo 1610, màu vàng số IMEI 866580038139394, trong máy có gắn 01 (một) sim Viettel trên sim có dãy số 8984048000029776087 và số tiền 380.000 đồng (*ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo M, không liên quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tại văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị hại bà P và bà H yêu cầu Tòa án xét xử về hình sự theo quy định của pháp luật; bị hại bà P và bà H xác định đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T yêu cầu bị cáo M bồi thường lại số tiền 3.920.000 đồng là tiền mà tiệm vàng "K" mua số vàng vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N đồng ý xử lý số tiền thu giữ 15.500.000 đồng để bị cáo M bồi thường thiệt hại cho bà P; bà N không yêu cầu bị cáo M phải bồi hoàn lại cho bà N.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L và đồng ý giao nộp số tiền thu lợi bất chính 800.000 đồng để bị cáo M bồi thường cho ông T1, đã nộp xong vào ngày 29/4/2023.

Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N, bà L không tranh luận gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể:

- Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 20/4/2023 tại ấp H, xã Đ, huyện D, bị cáo M đã có hành vi dùng tay trái nắm lấy cổ tay trái của bà P giật mạnh, tay phải ôm ngang hông vật bà P ngã nằm dưới đất. M dùng tay trái nắm cổ tay trái bà P ghì chặt xuống đất, tay phải lục soát người bà P và đã chiếm đoạt được 01 túi da có số tiền 15.500.000 đồng;

- Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 28/4/2023, tại ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo M có hành vi dùng roi điện dí vào người của bà H để cướp tài sản và đã chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng, trọng lượng 1,4 chỉ, trị giá 4.340.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo M, lời khai của hai bị hại bà P và bà H, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 85/CT-VKS-DT ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo M về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi: Bị cáo M thực hiện hành vi là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà P và bà H được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[4] Xét chủ thể, động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo M thấy rằng, bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo biết rõ việc cướp tài sản của người khác là

hành vi bị pháp luật nghiêm nhưng vẫn cố tình thực hiện nên phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Bị cáo M thực hiện hành vi dùng vũ lực để cướp tài sản của bà P và chiếm đoạt được số tiền 15.500.000 đồng; dùng roi điện dí vào người cướp tài sản của bà H và chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng, trọng lượng 1,4 chỉ của bà H có trị giá là 4.340.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng. Tại thời điểm, bị cáo M có hành vi dùng vũ lực để cướp tài sản của bị hại bà P thì bà P 74 tuổi; sử dụng vũ khí phương tiện nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản của bị hại bà H nên bị cáo M bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Cướp tài sản" theo điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu tài sản, tội cướp tài sản người khác hiện nay xảy ra nhiều trên địa bàn huyện D, nên cần phải xử lý thật nghiêm bị cáo bằng hình phạt tù để bị cáo có điều kiện được giáo dục, cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9] Xét thấy các bị cáo M là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định và phải chấp hành hình phạt chính là hình phạt tù nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[10] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Ý kiến tranh luận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án xảy ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[12] Ý kiến của bị hại bà P và bà H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp với nội dung vụ án xảy ra nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[13] Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà N và bà L tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án xảy ra nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] *Trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo M có hành vi chiếm đoạt đã được thu hồi và trao trả lại cho các bị hại. Bị hại bà P và bà H không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt vấn đề giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T yêu cầu bị cáo M bồi thường đối với số tiền 3.920.000 đồng là tiền mà tiệm vàng "K" mua số vàng vật chứng của vụ án, bị cáo M đồng ý bồi thường bằng số tiền 3.500.000 đồng đã bị thu giữ trong quá trình điều tra và số tiền 800.000 đồng mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà L và anh T1 đã giao nộp vào ngày 29/4/2023.

[15] *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng*:

- Đối với 01 xe mô tô loại Cup 50, màu sơn xanh, số máy: C50E8103552, số khung: C508108458, biển số 61FC – 3907. Quá trình điều tra xác định được xe do ông Trần Văn G đứng tên chủ sở hữu. Ông G khai đã bán lại cho người khác nhưng không nhớ rõ bán cho ai. Bà N khai nhận xe do bà N mua lại nhưng không nhớ mua của ai. Xét thấy, đây là phương tiện đi lại H ngày của bà N, bà N cho bị cáo M mượn và không biết bị cáo M sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho bà N.

- Đối với những tài sản của bị cáo M liên quan đến vụ án gồm: 01 (một) áo thun màu đỏ; 01 (một) áo thun màu đỏ có chữ "GHWAY"; 02 (hai) chiếc dép màu vàng; 01 (một) áo sơ mi tay ngắn màu xanh có chữ "IBOS"; 01 (một) quần dài màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có chữ "Honda An Thành"; 01 (một) dao bấm bằng kim loại; 01 (một) dây xạc roi điện. Quá trình điều tra xác định những tài sản liên quan việc bị cáo M thực hiện tội phạm, hiện không còn giá trị sử dụng, bị cáo M không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với những tài sản của bị cáo M gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo 1610, màu vàng số IMEI 866580038139394, trong máy có gắn 01 (một) sim Viettel trên sim có dãy số 8984048000029776087 và số tiền 380.000 đồng (*ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo M, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại.

[16] Án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức M phạm tội "Cướp tài sản".

1. *Về hình phạt*:

Xử phạt bị cáo Vũ Đức M mức án 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/4/2023.

2. *Trách nhiệm dân sự*:

- Tài sản bị cáo M có hành vi chiếm đoạt đã được thu hồi và trao trả lại cho các bị hại bà P và bà H. Bị hại bà P và bà H không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Buộc bị cáo M bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T số tiền 3.920.000 đồng (*ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 3.120.000 đồng (*ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*) đã thu giữ ngày 29/4/2023 của bị cáo M và số tiền 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*) mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà L đã giao nộp vào ngày 29/4/2023.

3. *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng*:

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Tuyết N 01 (một) xe mô tô loại Cup 50, màu sơn xanh, số máy: C50E8103552, số khung: C508108458, biển số 61FC – 3907.

- Tịch thu tiêu hủy những tài sản của bị cáo M liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng: 01 (một) áo thun màu đỏ; 01 (một) áo thun màu đỏ có chữ "GHWAY"; 02 (hai) chiếc dép màu vàng; 01 (một) áo sơ mi tay ngắn màu xanh có chữ "IBOS"; 01 (một) quần dài màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có chữ "Honda An Thành"; 01 (một) dao bấm bằng kim loại; 01 (một) dây xạc roi điện.

- Trả cho bị cáo M 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo 1610, màu vàng số IMEI 866580038139394, trong máy có gắn 01 (một) sim Viettel trên sim có dãy số 8984048000029776087 và số tiền 380.000 đồng (*ba trăm tám mươi nghìn đồng*).

(*Các tài sản trên được hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2023 và Biên lai thu tiền số 0001956 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*)

4. *Về án phí hình sự sơ thẩm*:

Bị cáo Vũ Đức M phải nộp số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

5. *Về quyền kháng cáo*:

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 26/12/2023).

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở T pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQĐVA;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng